

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/10/2019

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải
2. Ông Hồ Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 02/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Đức K, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố X, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1979; Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Bùi Đức K trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị G đi đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/01/2000. Quá trình chung sống vợ chồng tôi đang sống hạnh phúc thì không hiểu vì sao đến cuối năm 2009 thì bà G mang con là Bùi Danh H bỏ nhà ra đi mặc dù vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì. Từ ngày bà G bỏ đi cho đến nay tôi đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không gặp, đồng thời tôi cũng đã đăng tin tìm kiếm bà G trên đài tiếng nói Việt Nam nhưng cũng không có tin tức gì,

tôi đã yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ tuyên bố bà G mất tích và đã được Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ ra quyết định tuyên bố bà G mất tích. Nay để đảm bảo cuộc sống cho tôi trong thời gian tới nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Bùi Danh D, sinh ngày 01/02/2002; Bùi Danh Q, sinh ngày 08/02/2007, hiện đang ở với tôi; còn Bùi Danh H, sinh ngày 08/02/2007 khi đi bà G mang theo nên hiện nay không biết đang ở đâu. Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho 02 con là Bùi Danh D và Bùi Danh Q đến tuổi trưởng thành. Còn Bùi Danh H do bà G bế đi từ nhỏ nên tôi đồng ý giao cháu H cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị G, nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đã bỏ đi khỏi địa phương từ cuối năm 2009 đến nay không biết ở đâu, không rõ địa chỉ. Tòa án đã có quyết định tuyên bố bà G mất tích theo quyết định số 02/2019/QĐST- DS ngày 08/ 7/2019 của TAND thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn đã có quyết định của toà án tuyên bố bà G mất tích, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án, ông K và bà G tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật từ năm 2000. Quá trình chung sống đến cuối năm 2009 thì bà G bỏ nhà đi hiện nay không biết ở đâu và toà án đã tuyên bố bà G mất tích, nên nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, con chung và tài sản chung là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị G đã mất tích theo quy định của pháp luật nên không thể kiểm tra cứ và hoà giải được quy định tại Điều 205, Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 54 Luật

Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự tại phiên tòa.

- Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Ông K và bà G đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/01/2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu. Quá trình chung sống hai bên sống hạnh phúc được một thời gian thì khoảng cuối năm 2009 bà G đã đi khỏi địa phương nơi cư trú, không để lại địa chỉ liên lạc, hiện nay không biết ở đâu và đã được Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ ra quyết định tuyên bố bà G mất tích số 02/2019/QĐST- DS ngày 08/ 7/2019.

Nay xét yêu cầu của ông K yêu cầu được ly hôn với bà G để ông K tạo lập cuộc sống mới và có điều kiện lo cho gia đình là phù hợp vì bà G đã mất tích theo pháp luật vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông K cho ông K được ly hôn với bà Nguyễn Thị G theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự.

[2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông K và bà G có ba con chung là Bùi Danh D, sinh ngày 01/02/2002; Bùi Danh Q, sinh ngày 08/02/2007, Bùi Danh H, sinh ngày 08/02/2007. Hiện nay Bùi Danh D và Bùi Danh Q đang ở với ông K, còn Bùi Danh H khi đi bà G mang theo. Xét nguyện vọng của ông K là phù hợp nên cần chấp nhận giao cho ông K được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Danh D, sinh ngày 01/02/2002; Bùi Danh Q, sinh ngày 08/02/2007 cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), còn Bùi Danh H, sinh ngày 08/02/2007 khi đi bà G mang theo nên hiện nay không biết đang ở đâu nên giao cho bà G có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Ông K không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: Ông K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 54, Khoản 2 Điều 56, Điều 58 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự.
- Điều 205, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức K.

- *Về hôn nhân:* Cho ông Bùi Đức K được ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

- *Về con chung:* Giao cho ông K được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Danh D, sinh ngày 01/02/2002; Bùi Danh Q, sinh ngày 08/02/2007; Giao cho bà G được trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Danh H, sinh ngày 08/02/2007 cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi), các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng không có yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ chung:* không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* ông Bùi Đức K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0000215 ngày 15/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx.Buôn Hồ;
- UBND p. thiện An, thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)**

HOÀNG MINH CHÚC